

**TỔ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐỀ
ÁN PHÁT TRIỂN ÚNG DỤNG DỮ LIỆU DÂN
CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ**

Số: 607/ABC-TCTTKĐA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai 02 nhóm dịch vụ công liên thông¹ trên toàn quốc
(Từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/8/2023)**

Thực hiện Nghị quyết số 97/NQ-CP, ngày 08/7/2023 của Chính phủ về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 6/2023, Bộ Công an đã phối với Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông trên toàn quốc từ ngày 10/7/2023. Thủ ký Tổ Công tác Đề án 06/CP báo cáo kết quả 01 tháng triển khai (từ ngày 10/7/2023 đến ngày 10/8/2023), cụ thể như sau:

1. Về công tác chỉ đạo điều hành

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 97, ngày 08/7/2023 Tổ Công tác triển khai Đề án 06 có Công văn số 977/BC-TCTTKĐA báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang về kết quả triển khai thí điểm 02 nhóm thủ tục hành chính.

Ngày 12/7/2023, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 5197/VPCP-KSTT thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang trong đó đề nghị các địa phương triển khai thực hiện 02 nhóm Dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí” trên toàn quốc kể từ ngày 10/7/2023.

Ngày 26/7/2023, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính Văn phòng Chính phủ chủ trì phối hợp với C06, BCA tổ chức hội nghị đánh giá tình hình 15 ngày triển khai toàn quốc. Tại hội nghị các Bộ, ngành địa phương đã đánh giá kết quả thực hiện và chỉ ra các vướng mắc trong quá trình triển khai đồng thời đề xuất các giải pháp để thực hiện hiệu quả Nghị quyết 97/NQ-CP ngày 08/7/2023 của Chính phủ.

Ngày 04/8/2023, Tổ Công tác triển khai Đề án 06 có Công văn số 5613/BC-TCTTKĐA về việc báo cáo kết quả 20 ngày triển khai 02 nhóm dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí” trên toàn quốc.

Tính đến ngày 10/8/2023, Đã có **52/63** tỉnh, thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện 02 nhóm Dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí”

¹ “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí”

thường trú - Trợ cấp mai táng phí” trên toàn quốc kể từ ngày 10/7/2023².

2. Công tác triển khai thực hiện

Để chuẩn bị cho việc triển khai phần mềm liên thông 02 nhóm thủ tục hành chính, ngày 30/6/2023 Văn phòng Chính phủ đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tập huấn cho các đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ công về quy trình và thao tác trên phần mềm chuyên ngành.

Đơn vị chủ trì xây dựng phần mềm liên thông (*C06, BCA*) thành lập các Tổ hỗ trợ kỹ thuật 63 địa phương để kịp thời hỗ trợ khi gặp các vướng mắc trong quá trình thực hiện đồng thời phản ánh các lỗi kỹ thuật đến các đơn vị nghiệp vụ để khắc phục nhanh chóng cho các sở, ngành tại địa phương.

Bộ Y tế phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn quốc liên thông dữ liệu có ký số của Giấy chứng sinh, Giấy báo tử cấp tại cơ sở khám chữa bệnh qua Công giám định BHYT của BHXH Việt Nam để làm cơ sở cho người dân thực hiện 02 nhóm dịch vụ công trực tuyến liên quan đến khai sinh, khai tử. **Kết quả:** Tính đến ngày 15/8/2023 đã có 1.263 cơ sở khám chữa bệnh liên thông 297.017 giấy chứng sinh; 439 cơ sở khám chữa bệnh đã liên thông được 3.050 giấy báo tử.

Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 3601/BTP-HTQTCT ngày 10/8/2023 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai thực hiện quy định của Thông tư 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 và đẩy mạnh thực hiện liên thông 02 nhóm thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử.

- Tính đến ngày 10/8/2023, **63/63** Sở Tư pháp các tỉnh thành phố đã hoàn thành phân quyền cho cán bộ địa phương (*Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã và văn thư đơn vị*) thực hiện ký số điện tử trực tiếp trên Hệ thống đăng ký quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp.

Qua công tác quản trị, vận hành hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông **63/63 địa phương** đã triển khai và đã phát sinh hồ sơ dịch vụ công liên thông, trong đó có: ⁽¹⁾ 06 tỉnh hồ sơ phát sinh nhiều nhất: Thành phố Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa, Thái Bình, Hải Dương, Hà Nam, Thái Nguyên, Hải Phòng, Bình Định, Long An. ⁽²⁾ 10 tỉnh phát sinh hồ sơ liên thông thấp: Hà Giang, Lạng Sơn, Phú Yên, Đắc Nông, Tây Ninh, Bến Tre, Quảng Trị, Cao Bằng, Trà Vinh, Hậu Giang; ⁽³⁾ Từ ngày 31/7/2023 đến này 10/8/2023, 02 tỉnh có phát sinh hồ sơ thấp dưới 10 hồ sơ: Hậu Giang (02 hồ sơ), Trà Vinh (09 hồ sơ)³.

² 08 đơn vị chưa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện 02 nhóm dịch vụ công: Kiên Giang; Hà Tĩnh; Hậu Giang; Quảng Nam; Ninh Thuận; Bắc Kạn; Bình Thuận; Bình Phước. 03 đơn vị Quảng Bình, Cà Mau, Hải Dương đã dự thảo Kế hoạch đang trình chủ tịch ký ban hành.

³ 06 tỉnh hồ sơ phát sinh nhiều nhất: Thành phố Hà Nội (11.059 hồ sơ liên thông khai sinh, 757 hồ sơ liên thông khai tử), Nghệ An (2.997 hồ sơ liên thông khai sinh, 240 hồ sơ liên thông khai tử), Thanh Hóa (2.212 hồ sơ liên thông khai sinh, 253 hồ sơ liên thông khai tử), Thái Bình (1.394 hồ sơ liên thông khai sinh, 211 hồ sơ liên thông khai tử), Hải Dương (1.476 hồ sơ liên thông khai sinh, 82 hồ sơ liên thông khai tử), Hà Nam (1.212 hồ sơ liên thông khai sinh, 259 hồ sơ liên thông khai tử), Thái Nguyên (1.013 hồ sơ liên thông khai sinh, 95 hồ sơ liên thông khai tử), Hải Phòng (986 hồ sơ liên thông khai sinh, 134 hồ sơ liên thông khai tử), Bình Định (969 hồ sơ liên thông khai sinh, 178 hồ sơ liên thông khai tử), Long An (849 hồ sơ liên thông khai sinh, 119 hồ sơ liên thông khai tử).

- 10 tinh phát sinh hồ sơ liên thông thấp: Hà Giang (169 hồ sơ), Lạng Sơn (162 hồ sơ), Phú Yên (107 hồ sơ), Đắc Nông (96 hồ sơ), Tây Ninh (61 hồ sơ), Bến Tre (57 hồ sơ), Quảng Trị (43 hồ sơ), Cao Bằng (36 hồ sơ), Trà Vinh (21 hồ sơ), Hậu Giang (4 hồ sơ).

3. Kết quả thực hiện

3.1. Kết quả thực hiện DVC liên thông nhóm khai sinh (tính từ 10/7/2023 đến 12h ngày 10/8/2023)

Đơn vị	Liên thông khai sinh							
	Tổng	Chưa gửi đi	Mới đăng ký	Đã tiếp nhận	Đang xử lý	Đã xử lý xong	Đã trả kết quả	Từ chối tiếp nhận
Hệ thống DVCLT	42.696	-	-	-	-	-	-	-
Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng chung	42.696	1	2.064	415	9.442	12.625	13.429	4.720
Hệ thống Quản lý cư trú	26.054	3	496	4.892	1.444	-	14.257	4.962
Hệ thống BHXH	26.054	-	647	308	3.323	15.386	6.323	67

(Gửi kèm Phụ lục 1 bảng số liệu chi tiết)

3.2 Kết quả thực hiện DVC liên thông nhóm khai tử (tính từ 10/7/2023 đến 12h ngày 10/8/2023)

Đơn vị	Liên thông khai tử							
	Tổng	Chưa gửi đi	Mới đăng ký	Đã tiếp nhận	Đang xử lý	Đã xử lý xong	Đã trả kết quả	Từ chối tiếp nhận
Hệ thống DVCLT	4115	-	-	-	-	-	-	-
Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng chung	4.115	1	216	53	982	1.178	1.371	314
Hệ thống Quản lý cư trú	2.549	4	67	421	62	-	1.109	886
Hệ thống BHXH	572	1	550	3	12	-	-	6
Hệ thống của Bộ LĐTBXH	1.977	-	1.041	49	524	1	1	361

(Gửi kèm Phụ lục 2 bảng số liệu chi tiết)

4. Một số vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai

4.1. Đối với Hệ thống đăng ký quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp

(1) Việc phân quyền tài khoản, cài đặt chữ ký số trên Hệ thống cho cấp xã:

Đánh giá nguyên nhân:

- Việc triển khai 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông chưa được UBND các tỉnh quan tâm chỉ đạo sát triển khai công tác tuyên truyền về các lợi ích về dịch vụ công liên thông chưa được đầy mạnh dẫn đến người dân chưa được tiếp cận và hiểu được lợi ích của việc thực hiện dịch vụ công liên thông dẫn đến nhiều đơn vị chưa phát sinh hồ sơ hoặc số lượng hồ sơ phát sinh còn hạn chế. Một số tỉnh đang triển khai tập huấn cho cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ dịch vụ công liên thông dẫn số lượng hồ sơ phát sinh ít.

- Công chức tiếp nhận và giải quyết phải hướng dẫn cho công dân hiểu (hầu hết công dân đều bỡ ngỡ, chưa thực hiện được) và cùng lúc kê khai theo 3 thủ tục của 3 ngành khác nhau gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho cả công chức và công dân. Việc bố trí công chức tại UBND cấp xã để giải quyết 3 thủ tục: Hiện tại phần lớn các địa phương giao cho cán bộ công chức Tư pháp - Hộ tịch tiếp nhận lập hồ sơ, đăng ký khai sinh và phối hợp với Bảo hiểm thực hiện thủ tục cấp thẻ BHYT cho trẻ, trong khi Công chức Tư pháp - Hộ tịch phải thực hiện nhiều công việc chuyên môn khác

- Chức năng ký số của phần mềm hộ tịch yêu cầu phải cập nhật phiên bản ký số mới nhất tuy nhiên yêu cầu cài đặt, cấu hình ký số phải có máy tính chạy Win 10 nhưng hiện tại nhiều máy tính của cấp xã vẫn sử dụng máy tính cũ, có cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm, hay phát sinh lỗi, không tương thích với phần mềm nhất là phần mềm ký số.

- Phân quyền sử dụng tài khoản trên phần mềm hộ tịch: nhiều tài khoản đã được tạo, phân quyền nhưng sau đó lại bị mất quyền sử dụng, Sở Tư pháp phải tạo lại, reset lại quyền ký/đóng dấu dẫn đến hồ sơ giải quyết bị chậm muộn.

- Đối với các hồ sơ bị lỗi khi ký số cán bộ thực hiện không xử lý được phải liên hệ Bộ Tư pháp để được hỗ trợ xử lý trên phần mềm quản trị của Bộ Tư pháp dẫn đến chậm thời gian xử lý hồ sơ. Việc thực hiện ký số và đóng dấu điện tử về thẩm mỹ chưa đẹp, phải thực hiện căn chỉnh cấu hình vị trí ký số bằng cảm quan.

* Đánh giá nguyên nhân:

- Việc thay đổi tính năng của phần mềm dẫn đến các xã chưa theo kịp, trong quá trình thực hiện còn lúng túng chưa thao tác đúng dẫn đến nhiều sai sót, phải can thiệp vào phần mềm để điều chỉnh, cán bộ không thực hiện hết thao tác dẫn đến tình trạng hoàn thành kết quả trên phần mềm hộ tịch nhưng không trả kết quả về cho phần mềm liên thông để tiếp tục quy trình theo quy định.

- Trang thiết bị của cấp xã tại một số nơi được trang bị từ lâu đến nay không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để thực hiện.

(2) Hệ thống quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp tồn nhiều hồ sơ chưa được xử lý hết quy trình

Hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông đã tiếp nhận 42.696 hồ sơ liên thông khai sinh và 4.115 hồ sơ liên thông đăng ký khai tử. Phần mềm đã chuyển toàn bộ hồ sơ Đăng ký khai sinh, Đăng ký khai tử cho Hệ thống của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên đến nay số lượng hồ sơ chưa được xử lý của Hệ thống đăng ký quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp đã có sự chuyển biến lớn nhưng số lượng hồ sơ tồn vẫn còn dẫn đến không chuyển hồ sơ sang các hệ thống của Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để hoàn thành quy trình liên thông (*Hồ sơ đăng ký khai sinh đến ngày 31/7/2023 chưa được xử lý: 8.093/19.823 chiếm 41%; ngày 10/8/2023: 11.921/42.696 chiếm 28%; hồ sơ đăng ký khai tử ngày 31/7/2023 784/1.901 chiếm 41%; ngày 10/8/2023: 1.252/4.115 chiếm 30%*). Hiện tại, qua theo dõi hệ thống còn 2.897 hồ sơ đăng ký khai sinh, 221 hồ sơ đăng ký khai tử hệ thống phần mềm hộ tịch điện tử đang ở trạng thái mới đăng ký cán bộ chưa tiếp nhận để xử lý hồ sơ.

* Đánh giá nguyên nhân:

Toàn bộ 63/63 Sở tư pháp địa phương đã hoàn thành việc phân quyền và tạo tài khoản, ký số cho cán bộ trên hệ thống. Tuy nhiên nhiều địa phương vẫn lúng túng trong quá trình thực hiện ký số, giải quyết hồ sơ ban hành giấy khai sinh, trích lục khai tử điện tử.

Tại một số đơn vị chưa cài đặt phần mềm phiên bản ký số mới nhất nên khi cán bộ Tư pháp giải quyết hồ sơ thực hiện chức năng ký số, đóng dấu ban hành giấy khai sinh điện tử, trích lục khai tử điện tử hệ thống báo “lỗi” dẫn đến chậm thời gian giải quyết thủ tục hành chính

Trong quá trình chuyển hồ sơ từ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính này cho cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khác, hệ thống thường xuyên gặp phải tình trạng “lỗi đồng bộ thông tin”. Cán bộ phải trực tiếp gửi mã hồ sơ cho các cán bộ kỹ thuật thường trực để kiểm tra thông tin và đồng bộ lại, gây mất thời gian.

(3) Giấy khai sinh điện tử có mã QR để quét, tra cứu thông tin đăng ký khai sinh của công dân, nhưng khi tra cứu chỉ hiển thị thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của trẻ, họ và tên của bố và mẹ trẻ; nơi đăng ký khai sinh; ngày tháng năm đăng ký mà không có đầy đủ toàn bộ thông tin trong Giấy khai sinh nên khi thực hiện các thủ tục khác có liên quan cho trẻ em; cơ quan quản lý nhà nước phải trao đổi với UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh cho trẻ để lấy thông tin.

4.2. Khai thác dữ liệu Giấy chứng sinh phục vụ thực hiện liên thông:

Hiện tại nhiều cơ sở khám chữa bệnh cung cấp cho người dân bản Giấy chứng sinh có mã giấy chứng sinh chưa thực hiện theo đúng quy định của Bộ Y tế dẫn đến khi người dân kê khai mã Giấy chứng sinh trên phần mềm dịch vụ công liên thông hệ thống không tự động lấy dữ liệu giấy chứng sinh để tự động điền vào biểu mẫu kê khai mà bắt buộc người dân phải kê khai thủ công.

5. Kiến nghị, đề xuất

5.1. Bộ Tư pháp

Nghiên cứu và hoàn thiện các tính năng phần mềm Hệ thống đăng ký quản lý hộ tịch điện tử dùng chung để đáp ứng nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính đặc biệt là chữ ký số Giấy khai sinh, Trích lục khai tử.

Bố trí hạ tầng kỹ thuật để tối ưu hóa hệ thống, đảm bảo hiệu quả trong thực hiện các thủ tục hành chính liên thông. Khắc phục tình trạng hồ sơ hồ sơ đang trạng thái mới đăng ký, chưa đồng bộ về hệ thống cho cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

5.2. Bộ Y tế

Tiếp tục chỉ đạo các bệnh viện, cơ sở y tế cấp Giấy chứng sinh, Giấy báo tử theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế, đặc biệt cung cấp mã Giấy chứng sinh, Giấy báo tử để phục vụ thực hiện dịch vụ công liên thông. Thường xuyên, kiểm tra, đôn đốc việc nhập dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử để đồng bộ lên hệ thống của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

5.3. Bộ Công an

Chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam cử cán bộ hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ công liên thông. Đảm bảo kết nối từ phần mềm dịch vụ công liên thông đến hệ thống của các đơn vị có liên quan hoạt động thông suốt; phân tách các trường thông tin đẩy vào hệ thống của các Bộ, ngành có liên quan và cập nhật trạng thái hồ sơ về hệ thống một cửa điện tử của các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo yêu cầu an ninh an toàn hệ thống.

5.4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Đảm bảo hệ thống của Cục Bảo trợ xã hội và Cục Người có công hoạt động thông suốt đến cấp xã. Phối hợp với Bộ Công an đồng bộ toàn bộ kết quả xử lý hồ sơ liên thông để phục vụ công tác thống kê, báo cáo.

5.5. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Đề nghị 02 tỉnh Hậu Giang, Trà Vinh có báo cáo làm rõ nguyên nhân việc hạn chế phát sinh hồ sơ dịch vụ công liên thông dưới 10 hồ sơ (*từ ngày 31/7/2023 đến ngày 10/8/2023*). **Hoàn thành báo cáo gửi Tổ Công tác triển khai Đề án 06 trước ngày 05/9/2023.**

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, niêm yết công khai tại bộ phận một cửa, tại các khu dân cư, địa điểm sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa, khu chung cư để công dân biết về cách thức sử dụng dịch vụ công liên thông và các lợi ích đạt được khi sử dụng dịch vụ công liên thông.

- Tăng cường bố trí cán bộ hướng dẫn và bố trí trang thiết bị (*máy tính kết nối mạng, máy in, máy scan...*) để hỗ trợ người dân thực hiện nộp hồ sơ dịch vụ công liên thông khi công dân đến nộp thủ tục tại bộ phận một cửa các cấp.

- Làm việc với đơn vị phát triển hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh để xây dựng chức năng thống kê báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ công liên thông (Hiện tại Phần mềm dịch vụ công liên thông đã đồng bộ tất cả hồ sơ liên thông và các trạng thái hồ sơ dịch vụ công liên thông cho hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh).

- Chủ trì kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, trao đổi với các Bộ, ngành để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và đẩy mạnh triển khai thực hiện dịch vụ công liên thông trên địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Lập danh sách đầu mối tiếp nhận giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dịch vụ công liên thông của các sở, ngành có liên quan để Tổ công tác tập hợp trao đổi trong quá trình triển khai thực hiện. **Hàng tháng lồng ghép vào báo cáo tháng kết quả triển khai Đề án 06 của các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương gửi về Tổ triển khai Đề án 06 trước ngày 20 hàng tháng.**

Thư ký Tổ Công tác kính báo cáo kết quả 01 tháng triển khai 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí: Tổ trưởng, Tổ phó Tổ Công tác triển khai Đề án 06 (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan: Tư pháp, Y tế, Văn phòng Chính phủ, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, C06 (TTDLDC, T3).

THƯ KÝ TỔ CÔNG TÁC

PHÓ CỤC TRƯỞNG
CỤC CẢNH SÁT QLHC VỀ TTXH
Đại tá Vũ Văn Tân

PHỤ LỤC 2: SỐ LIỆU DỊCH VỤ CÔNG LIÊN THÔNG NHÓM ĐĂNG KÝ KHAI TỬ
(Gửi kèm Công văn số 6077/BC-TCTTKDA ngày 22/8/2023)

Tên tỉnh	Đơn vị	Liên thông khai tử							
		Tổng	Chưa gửi đi	Mới đăng ký	Đã tiếp nhận	Đang xử lý	Đã xử lý xong	Đã trả kết quả	Từ chối tiếp nhận
Cả nước	Hệ thống DVCLT	4,115							
Cả nước	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	4,115	1	216	53	982	1,178	1,371	314
Cả nước	Hệ thống Quản lý cư trú	2,549	4	67	421	62		1,109	886
Cả nước	Hệ thống BHXH	572	1	550	3	12			6
Cả nước	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	1,977		1,041	49	524	1	1	361
Thành phố Hà Nội	Hệ thống DVCLT	757							
Thành phố Hà Nội	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	757		35	1	325	116	208	72
Thành phố Hà Nội	Hệ thống Quản lý cư trú	324	2	9	68	5		110	130
Thành phố Hà Nội	Hệ thống BHXH	101	1	87	2	5			6
Thành phố Hà Nội	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	223		109	4	53			57
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống DVCLT	13							
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	13		3	1	7	1	1	
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	2							2
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống BHXH								
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	2		2					
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống DVCLT	5							
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	5					1	3	
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống Quản lý cư trú	3							1
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống BHXH	1		1					
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	2		1	1				
Tỉnh Bắc Kan	Hệ thống DVCLT	17							
Tỉnh Bắc Kan	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	17					5	9	2
Tỉnh Bắc Kan	Hệ thống Quản lý cư trú	11		1	1	1			6
Tỉnh Bắc Kan	Hệ thống BHXH	2		2					
Tỉnh Bắc Kan	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	9		9					
Tỉnh Tuyên Quang	Hệ thống DVCLT	87							
Tỉnh Tuyên Quang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	87		1		12	23	45	6

Tỉnh Tuyên Quang	Hệ thống Quản lý cư trú	68		2	8			39	19
Tỉnh Tuyên Quang	Hệ thống BHXH	19		19					
Tỉnh Tuyên Quang	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	49		23		24			2
Tỉnh Lào Cai	Hệ thống DVCLT	17							
Tỉnh Lào Cai	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	17		1		3	7	5	1
Tỉnh Lào Cai	Hệ thống Quản lý cư trú	12			1			7	4
Tỉnh Lào Cai	Hệ thống BHXH	6		6					
Tỉnh Lào Cai	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	6		6					
Tỉnh Điện Biên	Hệ thống DVCLT	58							
Tỉnh Điện Biên	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	58		6		13	14	22	3
Tỉnh Điện Biên	Hệ thống Quản lý cư trú	36		1	5	1		22	7
Tỉnh Điện Biên	Hệ thống BHXH	10		10					
Tỉnh Điện Biên	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	26		13	3	10			
Tỉnh Lai Châu	Hệ thống DVCLT	14							
Tỉnh Lai Châu	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	14		1		4	6	3	
Tỉnh Lai Châu	Hệ thống Quản lý cư trú	9		1				4	3
Tỉnh Lai Châu	Hệ thống BHXH	2		2					
Tỉnh Lai Châu	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	7		5		2			
Tỉnh Sơn La	Hệ thống DVCLT	62							
Tỉnh Sơn La	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	62		5	2	10	28	15	2
Tỉnh Sơn La	Hệ thống Quản lý cư trú	43		2	7	1		24	9
Tỉnh Sơn La	Hệ thống BHXH	8		8					
Tỉnh Sơn La	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	35		28		2			5
Tỉnh Yên Bai	Hệ thống DVCLT	32							
Tỉnh Yên Bai	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	32		1		10	15	6	
Tỉnh Yên Bai	Hệ thống Quản lý cư trú	21		3	5			9	4
Tỉnh Yên Bai	Hệ thống BHXH	7		7					
Tỉnh Yên Bai	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	14		9		5			
Tỉnh Hòa Bình	Hệ thống DVCLT	44							
Tỉnh Hòa Bình	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	44		4		12	16	10	2
Tỉnh Hòa Bình	Hệ thống Quản lý cư trú	26			2			10	14
Tỉnh Hòa Bình	Hệ thống BHXH	6		6					
Tỉnh Hòa Bình	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	20		10		5			5
Tỉnh Thái Nguyên	Hệ thống DVCLT	95							
Tỉnh Thái Nguyên	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	95		5	1	27	22	33	7

Tỉnh Thái Nguyên	Hệ thống Quản lý cư trú	55		1	12			25	17
Tỉnh Thái Nguyên	Hệ thống BHXH	21		21					
Tỉnh Thái Nguyên	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	34		21	2	5			6
Tỉnh Lạng Sơn	Hệ thống DVCLT	16							
Tỉnh Lạng Sơn	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	16		4		5	5	1	1
Tỉnh Lạng Sơn	Hệ thống Quản lý cư trú	6			4				1
Tỉnh Lạng Sơn	Hệ thống BHXH								
Tỉnh Lạng Sơn	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	6		6					
Tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống DVCLT	30							
Tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	30		2	1	4	18		5
Tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống Quản lý cư trú	18		2	3	2			5
Tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống BHXH	11		11					
Tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	7		5		1			1
Tỉnh Bắc Giang	Hệ thống DVCLT	48							
Tỉnh Bắc Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	48		2		17	20	7	2
Tỉnh Bắc Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	27			7	1			7
Tỉnh Bắc Giang	Hệ thống BHXH	7		7					
Tỉnh Bắc Giang	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	20		12		5			3
Tỉnh Phú Thọ	Hệ thống DVCLT	57							
Tỉnh Phú Thọ	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	57		8	2	14	21	8	4
Tỉnh Phú Thọ	Hệ thống Quản lý cư trú	29			5				14
Tỉnh Phú Thọ	Hệ thống BHXH	6		6					
Tỉnh Phú Thọ	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	23		18		3			2
Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống DVCLT	40							
Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	40			2	12	14	7	5
Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống Quản lý cư trú	21		3	3				7
Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống BHXH	6		6					
Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	15		13		1			1
Tỉnh Bắc Ninh	Hệ thống DVCLT	53							
Tỉnh Bắc Ninh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	53	1	4	2	14	23	1	8
Tỉnh Bắc Ninh	Hệ thống Quản lý cư trú	24			4	6			5
Tỉnh Bắc Ninh	Hệ thống BHXH	7		7					
Tỉnh Bắc Ninh	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	17		17					
Tỉnh Hải Dương	Hệ thống DVCLT	82							
Tỉnh Hải Dương	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	82		3	2	6	23	41	7

Tỉnh Hải Dương	Hệ thống Quản lý cư trú	64		2	5	4		30	23
Tỉnh Hải Dương	Hệ thống BHXH	14		14					
Tỉnh Hải Dương	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	50		7	2	16			25
Thành phố Hải Phòng	Hệ thống DVCLT	134							
Thành phố Hải Phòng	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	134		4	2	32	54	34	8
Thành phố Hải Phòng	Hệ thống Quản lý cư trú	88		1	13	4		38	32
Thành phố Hải Phòng	Hệ thống BHXH	40		40					
Thành phố Hải Phòng	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	48		48					
Tỉnh Hưng Yên	Hệ thống DVCLT	29							
Tỉnh Hưng Yên	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	29		3		8	5	9	4
Tỉnh Hưng Yên	Hệ thống Quản lý cư trú	14		1	5			5	3
Tỉnh Hưng Yên	Hệ thống BHXH	4		4					
Tỉnh Hưng Yên	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	10		7	1	2			
Tỉnh Thái Bình	Hệ thống DVCLT	211							
Tỉnh Thái Bình	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	211		3	1	16	53	117	21
Tỉnh Thái Bình	Hệ thống Quản lý cư trú	170		3	27	1		80	59
Tỉnh Thái Bình	Hệ thống BHXH	40		40					
Tỉnh Thái Bình	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	130		92	4	15			19
Tỉnh Hà Nam	Hệ thống DVCLT	259							
Tỉnh Hà Nam	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	259		1	-1	29	54	171	3
Tỉnh Hà Nam	Hệ thống Quản lý cư trú	225		5	18	8		161	33
Tỉnh Hà Nam	Hệ thống BHXH	66		59		7			
Tỉnh Hà Nam	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	159		34	6	71			48
Tỉnh Nam Định	Hệ thống DVCLT	59							
Tỉnh Nam Định	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	59		5		11	14	26	3
Tỉnh Nam Định	Hệ thống Quản lý cư trú	40		3	7	3		17	10
Tỉnh Nam Định	Hệ thống BHXH	17		17					
Tỉnh Nam Định	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	23		5	1	1			16
Tỉnh Ninh Bình	Hệ thống DVCLT	33							
Tỉnh Ninh Bình	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	33		4	1	6	11	11	
Tỉnh Ninh Bình	Hệ thống Quản lý cư trú	22			2			13	7
Tỉnh Ninh Bình	Hệ thống BHXH	5		5					
Tỉnh Ninh Bình	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	17		14		2			1
Tỉnh Thanh Hóa	Hệ thống DVCLT	253							
Tỉnh Thanh Hóa	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	253		23	6	52	84	63	25

Tỉnh Thanh Hóa	Hệ thống Quản lý cư trú	147	1	7	31	4		56	48
Tỉnh Thanh Hóa	Hệ thống BHXH	33		33					
Tỉnh Thanh Hóa	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	114		52	6	20	1		35
Tỉnh Nghệ An	Hệ thống DVCLT	240							
Tỉnh Nghệ An	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	240		6	8	53	114	47	12
Tỉnh Nghệ An	Hệ thống Quản lý cư trú	161		5	27	2		80	47
Tỉnh Nghệ An	Hệ thống BHXH	44		44					
Tỉnh Nghệ An	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	117		63	1	24		1	28
Tỉnh Hà Tĩnh	Hệ thống DVCLT	46							
Tỉnh Hà Tĩnh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	46		3		7	4	29	3
Tỉnh Hà Tĩnh	Hệ thống Quản lý cư trú	33			2			20	11
Tỉnh Hà Tĩnh	Hệ thống BHXH	3		3					
Tỉnh Hà Tĩnh	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	30		25	1	3			1
Tỉnh Quảng Bình	Hệ thống DVCLT	29							
Tỉnh Quảng Bình	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	29		2	1	12	9	3	2
Tỉnh Quảng Bình	Hệ thống Quản lý cư trú	12			2	2		4	4
Tỉnh Quảng Bình	Hệ thống BHXH	5		5					
Tỉnh Quảng Bình	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	7		7					
Tỉnh Quảng Trị	Hệ thống DVCLT	5							
Tỉnh Quảng Trị	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	5		1				4	
Tỉnh Quảng Trị	Hệ thống Quản lý cư trú	4				1		1	2
Tỉnh Quảng Trị	Hệ thống BHXH	1		1					
Tỉnh Quảng Trị	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	3		3					
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Hệ thống DVCLT	29							
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	29		1		5	13	6	4
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Hệ thống Quản lý cư trú	19			1	1		10	7
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Hệ thống BHXH	3		3					
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	16		16					
Thành phố Đà Nẵng	Hệ thống DVCLT	36							
Thành phố Đà Nẵng	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	36				5	10	16	5
Thành phố Đà Nẵng	Hệ thống Quản lý cư trú	26			3	2		7	14
Thành phố Đà Nẵng	Hệ thống BHXH	6		6					
Thành phố Đà Nẵng	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	20		8		9			3
Tỉnh Quảng Nam	Hệ thống DVCLT	32			3		12	8	7
Tỉnh Quảng Nam	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	32							2

Tỉnh Quảng Nam	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	15		7	1		5	2
Tỉnh Quảng Nam	<u>Hệ thống BHXH</u>	1	1					
Tỉnh Quảng Nam	<u>Hệ thống của Bộ LĐTBXH</u>	14	14					
Tỉnh Quảng Ngãi	<u>Hệ thống DVCLT</u>	57						
Tỉnh Quảng Ngãi	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	57	4		8	15	29	1
Tỉnh Quảng Ngãi	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	44		2	1		24	17
Tỉnh Quảng Ngãi	<u>Hệ thống BHXH</u>	4	4					
Tỉnh Quảng Ngãi	<u>Hệ thống của Bộ LĐTBXH</u>	40	18		19			3
Tỉnh Bình Định	<u>Hệ thống DVCLT</u>	178						
Tỉnh Bình Định	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	178	10	3	20	58	72	15
Tỉnh Bình Định	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	130		31	1		46	52
Tỉnh Bình Định	<u>Hệ thống BHXH</u>	14	13	1				
Tỉnh Bình Định	<u>Hệ thống của Bộ LĐTBXH</u>	116	36	3	40			37
Tỉnh Phú Yên	<u>Hệ thống DVCLT</u>	7						
Tỉnh Phú Yên	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	7				3	4	
Tỉnh Phú Yên	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	7	1				4	2
Tỉnh Phú Yên	<u>Hệ thống BHXH</u>	2	2					
Tỉnh Phú Yên	<u>Hệ thống của Bộ LĐTBXH</u>	5	5					
Tỉnh Khánh Hòa	<u>Hệ thống DVCLT</u>	42						
Tỉnh Khánh Hòa	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	42	2		3	20	14	3
Tỉnh Khánh Hòa	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	34		7			17	10
Tỉnh Khánh Hòa	<u>Hệ thống BHXH</u>	1	1					
Tỉnh Khánh Hòa	<u>Hệ thống của Bộ LĐTBXH</u>	33	1	1	27			4
Tỉnh Ninh Thuận	<u>Hệ thống DVCLT</u>	19						
Tỉnh Ninh Thuận	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	19	1	1	7	1	6	3
Tỉnh Ninh Thuận	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	7		3	1		1	2
Tỉnh Ninh Thuận	<u>Hệ thống BHXH</u>							
Tỉnh Ninh Thuận	<u>Hệ thống của Bộ LĐTBXH</u>	7	2		3			2
Tỉnh Bình Thuận	<u>Hệ thống DVCLT</u>	29						
Tỉnh Bình Thuận	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	29	1	1	1	12	7	7
Tỉnh Bình Thuận	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	19	2	2			6	9
Tỉnh Bình Thuận	<u>Hệ thống BHXH</u>	3	3					
Tỉnh Bình Thuận	<u>Hệ thống của Bộ LĐTBXH</u>	16	13		2			1
Tỉnh Kon Tum	<u>Hệ thống DVCLT</u>	12						
Tỉnh Kon Tum	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	12			1	7	3	1

Tỉnh Kon Tum	Hệ thống Quản lý cung trú	10			5			3	2
Tỉnh Kon Tum	Hệ thống BHXH	5		5					
Tỉnh Kon Tum	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	5		5					
Tỉnh Gia Lai	Hệ thống DVCLT	24							
Tỉnh Gia Lai	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	24				2	4	15	3
Tỉnh Gia Lai	Hệ thống Quản lý cung trú	19		1	3	1		9	5
Tỉnh Gia Lai	Hệ thống BHXH	4		4					
Tỉnh Gia Lai	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	15		9	1	4			1
Tỉnh Đăk Lăk	Hệ thống DVCLT	27							
Tỉnh Đăk Lăk	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	27				14	9	2	2
Tỉnh Đăk Lăk	Hệ thống Quản lý cung trú	11		1	4	1		4	1
Tỉnh Đăk Lăk	Hệ thống BHXH	1		1					
Tỉnh Đăk Lăk	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	10		10					
Tỉnh Đăk Nông	Hệ thống DVCLT	4							
Tỉnh Đăk Nông	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	4					1	2	1
Tỉnh Đăk Nông	Hệ thống Quản lý cung trú	3			1			1	1
Tỉnh Đăk Nông	Hệ thống BHXH								
Tỉnh Đăk Nông	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	3		3					
Tỉnh Lâm Đồng	Hệ thống DVCLT	60							
Tỉnh Lâm Đồng	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	60		3	1	12	29	12	3
Tỉnh Lâm Đồng	Hệ thống Quản lý cung trú	41		1	13			10	17
Tỉnh Lâm Đồng	Hệ thống BHXH	9		9					
Tỉnh Lâm Đồng	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	32		17	2	8			5
Tỉnh Bình Phước	Hệ thống DVCLT	15							
Tỉnh Bình Phước	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	15		3		2	3	1	6
Tỉnh Bình Phước	Hệ thống Quản lý cung trú	4			1			2	1
Tỉnh Bình Phước	Hệ thống BHXH								
Tỉnh Bình Phước	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	4		2		1			1
Tỉnh Tây Ninh	Hệ thống DVCLT	3							
Tỉnh Tây Ninh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	3						1	2
Tỉnh Tây Ninh	Hệ thống Quản lý cung trú	1			1				
Tỉnh Tây Ninh	Hệ thống BHXH								
Tỉnh Tây Ninh	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	1		1					
Tỉnh Bình Dương	Hệ thống DVCLT	17							
Tỉnh Bình Dương	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	17		3		5	1	5	3

Tỉnh Bình Dương	Hệ thống Quản lý cư trú	6							1	5
Tỉnh Bình Dương	Hệ thống BHXH									
Tỉnh Bình Dương	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	6		5						1
Tỉnh Đồng Nai	Hệ thống DVCLT	38								
Tỉnh Đồng Nai	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	38		2	1	11	12	12		
Tỉnh Đồng Nai	Hệ thống Quản lý cư trú	24		1	2	2		8	11	
Tỉnh Đồng Nai	Hệ thống BHXH									
Tỉnh Đồng Nai	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	24		18	2	4				
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ thống DVCLT	23								
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	23		3	1	6	5	5	3	
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ thống Quản lý cư trú	10		1	1				5	3
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ thống BHXH	1		1						
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	9		7		2				
Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống DVCLT	11								
Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	11		5		1	1	2	2	
Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống Quản lý cư trú	3		1					2	
Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống BHXH									
Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	3		2		1				
Tỉnh Long An	Hệ thống DVCLT	119								
Tỉnh Long An	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	119		5		7	17	83	7	
Tỉnh Long An	Hệ thống Quản lý cư trú	100		1	12	1		31	55	
Tỉnh Long An	Hệ thống BHXH	5		5						
Tỉnh Long An	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	95		20	3	63				9
Tỉnh Tiền Giang	Hệ thống DVCLT	45								
Tỉnh Tiền Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	45		2		7	28	5	3	
Tỉnh Tiền Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	33			2	1		17	13	
Tỉnh Tiền Giang	Hệ thống BHXH	2		2						
Tỉnh Tiền Giang	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	31		8	2	17				4
Tỉnh Bến Tre	Hệ thống DVCLT	9								
Tỉnh Bến Tre	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	9		2		1	1	3	2	
Tỉnh Bến Tre	Hệ thống Quản lý cư trú	4							2	2
Tỉnh Bến Tre	Hệ thống BHXH									
Tỉnh Bến Tre	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	4		3						1
Tỉnh Trà Vinh	Hệ thống DVCLT	2								
Tỉnh Trà Vinh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	2				1	1			

Tỉnh Trà Vinh	Hệ thống Quản lý cư trú	1									
Tỉnh Trà Vinh	Hệ thống BHXH										1
Tỉnh Trà Vinh	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	1		1							
Tỉnh Vĩnh Long	Hệ thống DVCLT	44									
Tỉnh Vĩnh Long	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	44		6	5	18	10	4			1
Tỉnh Vĩnh Long	Hệ thống Quản lý cư trú	14		1	5			2			6
Tỉnh Vĩnh Long	Hệ thống BHXH	1		1							
Tỉnh Vĩnh Long	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	13		9		2					2
Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống DVCLT	12									
Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	12		1			8				3
Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống Quản lý cư trú	8	1					6			1
Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống BHXH										
Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	8		2		4					2
Tỉnh An Giang	Hệ thống DVCLT	130									
Tỉnh An Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	130		9	2	37	47	31			4
Tỉnh An Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	78			14	2					24
Tỉnh An Giang	Hệ thống BHXH	5		5							
Tỉnh An Giang	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	73		21	2	33					17
Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống DVCLT	39									
Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	39		2	1	14	6	11			5
Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	17		1	8						2
Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống BHXH	2		2							
Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	15		15							
Thành phố Cần Thơ	Hệ thống DVCLT	21									
Thành phố Cần Thơ	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	21		2		4	5	5			5
Thành phố Cần Thơ	Hệ thống Quản lý cư trú	10			3						7
Thành phố Cần Thơ	Hệ thống BHXH	2		2							
Thành phố Cần Thơ	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	8		5		2					1
Tỉnh Hậu Giang	Hệ thống DVCLT	1									
Tỉnh Hậu Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	1		1							
Tỉnh Hậu Giang	Hệ thống Quản lý cư trú										
Tỉnh Hậu Giang	Hệ thống BHXH										
Tỉnh Hậu Giang	Hệ thống của Bộ LĐTBXH										
Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống DVCLT	70									
Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	70		2	2	27	20	16			3

Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống Quản lý cư trú	36		1	7			7	21
Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống BHXH								
Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	36	32		2				2
Tỉnh Bạc Liêu	Hệ thống DVCLT	34							
Tỉnh Bạc Liêu	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	34		1	1	4	7	17	4
Tỉnh Bạc Liêu	Hệ thống Quản lý cư trú	24		1	3	1		9	10
Tỉnh Bạc Liêu	Hệ thống BHXH								
Tỉnh Bạc Liêu	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	24	24						
Tỉnh Cà Mau	Hệ thống DVCLT	101							
Tỉnh Cà Mau	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	101	2		20	30	46	3	
Tỉnh Cà Mau	Hệ thống Quản lý cư trú	76		1	5			37	33
Tỉnh Cà Mau	Hệ thống BHXH	9		9					
Tỉnh Cà Mau	Hệ thống của Bộ LĐTBXH	67	45	1	11				10

PHỤ LỤC 1: SỐ LIỆU DỊCH VỤ CÔNG LIÊN THÔNG NHÓM ĐĂNG KÝ KHAI SINH

(Gửi kèm Công văn số 6077/BC-TCTTKĐA ngày 22/8/2023)

Tên tỉnh	Đơn vị	Liên thông khai sinh							
		Tổng	Chưa gửi đi	Mới đăng ký	Đã tiếp nhận	Đang xử lý	Đã xử lý xong	Đã trả kết quả	Từ chối tiếp nhận
Cả nước	Hệ thống DVCLT	42,696							
Cả nước	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	42,696	1	2,064	415	9,442	12,625	13,429	4,720
Cả nước	Hệ thống Quản lý cư trú	26,054	3	496	4,892	1,444		14,257	4,962
Cả nước	Hệ thống BHXH	26,054		647	308	3,323	15,386	6,323	67
Cả nước	Hệ thống của Bộ LĐTBXH								
Thành phố Hà Nội	Hệ thống DVCLT	11,059							
Thành phố Hà Nội	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	11,059	1	484	35	3,593	1,803	3,024	2,119
Thành phố Hà Nội	Hệ thống Quản lý cư trú	4,827		48	1,249	511		1,559	1,460
Thành phố Hà Nội	Hệ thống BHXH	4,827		282	23	319	3,401	783	19
Thành phố Hà Nội	Hệ thống của Bộ LĐTBXH								
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống DVCLT	156							
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	156		25	1	56	19	42	13
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	61			29	1		22	9
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống BHXH	61		1	4	11	34	11	
Tỉnh Hà Giang	Hệ thống của Bộ LĐTBXH								
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống DVCLT	31							
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	31		4		7	14	3	3
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống Quản lý cư trú	17			3	1		13	
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống BHXH	17				3	13	1	
Tỉnh Cao Bằng	Hệ thống của Bộ LĐTBXH								
Tỉnh Bắc Kạn	Hệ thống DVCLT	191							
Tỉnh Bắc Kạn	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	191		6	2	50	101	14	18
Tỉnh Bắc Kạn	Hệ thống Quản lý cư trú	115			17	1		73	24
Tỉnh Bắc Kạn	Hệ thống BHXH	115			3	30	66	16	
Tỉnh Bắc Kạn	Hệ thống của Bộ LĐTBXH								
Tỉnh Tuyên Quang	Hệ thống DVCLT	598							
Tỉnh Tuyên Quang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	598	17	6	108	143	295	29	

Tỉnh Lào Cai	Hệ thống BHXH	195		1	4	46	110	34	
Tỉnh Điện Biên	Hệ thống DVCLT	713							
Tỉnh Điện Biên	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	713		22	2	85	220	349	35
Tỉnh Điện Biên	Hệ thống Quản lý cư trú	569		6	51	16		415	81
Tỉnh Điện Biên	Hệ thống BHXH	569		12	3	76	380	98	
Tỉnh Lai Châu	Hệ thống DVCLT	320							
Tỉnh Lai Châu	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	320		26	2	106	135	38	13
Tỉnh Lai Châu	Hệ thống Quản lý cư trú	173			33	4		101	35
Tỉnh Lai Châu	Hệ thống BHXH	173		4	5	6	82	76	
Tỉnh Sơn La	Hệ thống DVCLT	469							
Tỉnh Sơn La	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	469		29	7	112	141	160	20
Tỉnh Sơn La	Hệ thống Quản lý cư trú	301		6	68	6		183	38
Tỉnh Sơn La	Hệ thống BHXH	301		2	2	46	217	34	
Tỉnh Yên Bai	Hệ thống DVCLT	358							
Tỉnh Yên Bai	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	358		17	7	98	165	54	17
Tỉnh Yên Bai	Hệ thống Quản lý cư trú	219		5	41	1		149	23
Tỉnh Yên Bai	Hệ thống BHXH	219		3	3	15	155	42	1
Tỉnh Hòa Bình	Hệ thống DVCLT	441							
Tỉnh Hòa Bình	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	441		48	15	75	135	145	23
Tỉnh Hòa Bình	Hệ thống Quản lý cư trú	280		13	37	13		165	52
Tỉnh Hòa Bình	Hệ thống BHXH	280		7	8	46	171	47	1
Tỉnh Thái Nguyên	Hệ thống DVCLT	1,013							
Tỉnh Thái Nguyên	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	1,013		43	5	193	421	284	67
Tỉnh Thái Nguyên	Hệ thống Quản lý cư trú	705	1	30	132	14		429	99
Tỉnh Thái Nguyên	Hệ thống BHXH	705		10	10	68	436	177	4
Tỉnh Lạng Sơn	Hệ thống DVCLT	146							
Tỉnh Lạng Sơn	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	146		20	9	38	38	20	21
Tỉnh Lang Sơn	Hệ thống Quản lý cư trú	58			15	2		32	9
Tỉnh Lạng Sơn	Hệ thống BHXH	58				19	27	12	
Tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống DVCLT	194							
Tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	194		17	1	39	89	24	24
Tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống Quản lý cư trú	113		8	29	11		53	12
Tỉnh Quảng Ninh	Hệ thống BHXH	113		1		16	77	19	
Tỉnh Bắc Giang	Hệ thống DVCLT	599							
Tỉnh Bắc Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	599		13		106	266	183	31

Tỉnh Bắc Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	449		12	103	4		239	91
Tỉnh Bắc Giang	Hệ thống BHXH	449		4	8	27	317	83	10
Tỉnh Phú Thọ	Hệ thống DVCLT	641							
Tỉnh Phú Thọ	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	641		72	24	115	255	107	68
Tỉnh Phú Thọ	Hệ thống Quản lý cư trú	362		10	67	16		223	46
Tỉnh Phú Thọ	Hệ thống BHXH	362		6	3	53	190	110	
Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống DVCLT	293							
Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	293		14	5	107	95	33	39
Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống Quản lý cư trú	128		7	34	3		75	9
Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống BHXH	128		4	4	68	32	20	
Tỉnh Bắc Ninh	Hệ thống DVCLT	663							
Tỉnh Bắc Ninh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	663		62	12	140	352	45	52
Tỉnh Bắc Ninh	Hệ thống Quản lý cư trú	397		9	67	27		197	97
Tỉnh Bắc Ninh	Hệ thống BHXH	397		3	5	113	192	84	
Tỉnh Hải Dương	Hệ thống DVCLT	1,476							
Tỉnh Hải Dương	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	1,476		35	6	128	471	746	90
Tỉnh Hải Dương	Hệ thống Quản lý cư trú	1,217	1	27	140	58		845	146
Tỉnh Hải Dương	Hệ thống BHXH	1,217		45	6	76	636	453	1
Thành phố Hải Phòng	Hệ thống DVCLT	986							
Thành phố Hải Phòng	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	986		37	8	184	414	273	70
Thành phố Hải Phòng	Hệ thống Quản lý cư trú	687	1	11	152	42		331	150
Thành phố Hải Phòng	Hệ thống BHXH	687		9	1	133	364	180	
Tỉnh Hưng Yên	Hệ thống DVCLT	692							
Tỉnh Hưng Yên	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	692		14	8	97	117	366	90
Tỉnh Hưng Yên	Hệ thống Quản lý cư trú	483		15	48	14		323	83
Tỉnh Hưng Yên	Hệ thống BHXH	483		8	1	57	325	92	
Tỉnh Thái Bình	Hệ thống DVCLT	1,394							
Tỉnh Thái Bình	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	1,394		20	7	216	346	698	107
Tỉnh Thái Bình	Hệ thống Quản lý cư trú	1,044		29	177	60		645	133
Tỉnh Thái Bình	Hệ thống BHXH	1,044		21	5	111	568	339	
Tỉnh Hà Nam	Hệ thống DVCLT	1,212							
Tỉnh Hà Nam	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	1,212		13	1	163	231	775	29
Tỉnh Hà Nam	Hệ thống Quản lý cư trú	1,006		15	105	33		810	43
Tỉnh Hà Nam	Hệ thống BHXH	1,006		51	3	165	413	374	
Tỉnh Nam Định	Hệ thống DVCLT	735							

Tỉnh Nam Định	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	735		25	2	105	181	379	43
Tỉnh Nam Định	Hệ thống Quản lý cư trú	560		18	105	19		331	87
Tỉnh Nam Định	Hệ thống BHXH	560		5	5	142	304	104	
Tỉnh Ninh Bình	Hệ thống DVCLT	219							
Tỉnh Ninh Bình	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	219		11		50	112	40	6
Tỉnh Ninh Bình	Hệ thống Quản lý cư trú	152		4	31	6		94	17
Tỉnh Ninh Bình	Hệ thống BHXH	152		2	1	29	77	43	
Tỉnh Thanh Hóa	Hệ thống DVCLT	2,212							
Tỉnh Thanh Hóa	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	2,212		123	42	469	796	572	210
Tỉnh Thanh Hóa	Hệ thống Quản lý cư trú	1,368		24	278	51		781	234
Tỉnh Thanh Hóa	Hệ thống BHXH	1,368		23	16	211	685	433	
Tỉnh Nghệ An	Hệ thống DVCLT	2,997							
Tỉnh Nghệ An	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	2,997		145	47	584	1,329	686	206
Tỉnh Nghệ An	Hệ thống Quản lý cư trú	2,015		29	264	57		1,368	297
Tỉnh Nghệ An	Hệ thống BHXH	2,015		29	4	184	1,158	640	
Tỉnh Hà Tĩnh	Hệ thống DVCLT	789							
Tỉnh Hà Tĩnh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	789		14	1	75	126	517	56
Tỉnh Hà Tĩnh	Hệ thống Quản lý cư trú	643		12	90	27		450	64
Tỉnh Hà Tĩnh	Hệ thống BHXH	643		6	24	66	410	137	
Tỉnh Quảng Bình	Hệ thống DVCLT	327							
Tỉnh Quảng Bình	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	327		21	6	96	150	35	19
Tỉnh Quảng Bình	Hệ thống Quản lý cư trú	185		3	19	11		111	41
Tỉnh Quảng Bình	Hệ thống BHXH	185		3		22	101	59	
Tỉnh Quảng Trị	Hệ thống DVCLT	38							
Tỉnh Quảng Trị	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	38		5	2	4	5	20	2
Tỉnh Quảng Trị	Hệ thống Quản lý cư trú	25			4	7		11	3
Tỉnh Quảng Trị	Hệ thống BHXH	25				9	11	5	
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Hệ thống DVCLT	312							
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	312		14	4	40	154	75	25
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Hệ thống Quản lý cư trú	229		4	25	46		52	102
Tỉnh Thừa Thiên Huế	Hệ thống BHXH	229		4	70	114	32	9	
Thành phố Đà Nẵng	Hệ thống DVCLT	587							
Thành phố Đà Nẵng	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	587		23		52	211	235	66
Thành phố Đà Nẵng	Hệ thống Quản lý cư trú	446		7	66	46		175	152
Thành phố Đà Nẵng	Hệ thống BHXH	446		14	20	7	236	164	5

Tỉnh Quảng Nam	Hệ thống DVCLT	266								
Tỉnh Quảng Nam	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	266		13	6	110	56	45	36	
Tỉnh Quảng Nam	Hệ thống Quản lý cư trú	101			21	8		51	21	
Tỉnh Quảng Nam	Hệ thống BHXH	101		1		8	71	21		
Tỉnh Quảng Ngãi	Hệ thống DVCLT	721								
Tỉnh Quảng Ngãi	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	721		28	3	133	167	352	38	
Tỉnh Quảng Ngãi	Hệ thống Quản lý cư trú	519		21	72	45		323	58	
Tỉnh Quảng Ngãi	Hệ thống BHXH	519		12	3	108	306	90		
Tỉnh Bình Định	Hệ thống DVCLT	969								
Tỉnh Bình Định	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	969		30	7	131	327	397	77	
Tỉnh Bình Định	Hệ thống Quản lý cư trú	724		14	162	37		368	143	
Tỉnh Bình Định	Hệ thống BHXH	724		13	5	68	458	180		
Tỉnh Phú Yên	Hệ thống DVCLT	100								
Tỉnh Phú Yên	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	100		8		26	19	33	14	
Tỉnh Phú Yên	Hệ thống Quản lý cư trú	52				9		36	7	
Tỉnh Phú Yên	Hệ thống BHXH	52					5	21	25	1
Tỉnh Khánh Hòa	Hệ thống DVCLT	330								
Tỉnh Khánh Hòa	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	330		8	2	42	143	113	22	
Tỉnh Khánh Hòa	Hệ thống Quản lý cư trú	256		7	56	15		151	27	
Tỉnh Khánh Hòa	Hệ thống BHXH	256		1		25	188	41	1	
Tỉnh Ninh Thuận	Hệ thống DVCLT	152								
Tỉnh Ninh Thuận	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	152		1	1	21	69	51	9	
Tỉnh Ninh Thuận	Hệ thống Quản lý cư trú	120		4	62	8		36	10	
Tỉnh Ninh Thuận	Hệ thống BHXH	120				12	80	28		
Tỉnh Bình Thuận	Hệ thống DVCLT	285								
Tỉnh Bình Thuận	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	285		18	3	50	108	64	42	
Tỉnh Bình Thuận	Hệ thống Quản lý cư trú	172		1	27	10		99	35	
Tỉnh Bình Thuận	Hệ thống BHXH	172		2	2	39	114	15		
Tỉnh Kon Tum	Hệ thống DVCLT	255								
Tỉnh Kon Tum	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	255		8	2	39	47	142	17	
Tỉnh Kon Tum	Hệ thống Quản lý cư trú	189		4	45	6		106	28	
Tỉnh Kon Tum	Hệ thống BHXH	189		5	1	24	87	71	1	
Tỉnh Gia Lai	Hệ thống DVCLT	374								
Tỉnh Gia Lai	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	374		19	3	68	155	100	29	
Tỉnh Gia Lai	Hệ thống Quản lý cư trú	255		7	53	16		148	31	

Tỉnh Gia Lai	Hệ thống BHXH	255			65	102	88	
Tỉnh Đăk Lăk	Hệ thống DVCLT	304						
Tỉnh Đăk Lăk	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	304	20	5	75	140	46	18
Tỉnh Đăk Lăk	Hệ thống Quản lý cư trú	186	2	50	4		73	57
Tỉnh Đăk Lăk	Hệ thống BHXH	186	1		15	135	33	2
Tỉnh Đăk Nông	Hệ thống DVCLT	92						
Tỉnh Đăk Nông	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	92	2	3	24	26	24	13
Tỉnh Đăk Nông	Hệ thống Quản lý cư trú	50	2	15			23	10
Tỉnh Đăk Nông	Hệ thống BHXH	50	1	1	11	19	18	
Tỉnh Lâm Đồng	Hệ thống DVCLT	793						
Tỉnh Lâm Đồng	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	793	61	20	171	336	129	76
Tỉnh Lâm Đồng	Hệ thống Quản lý cư trú	465	5	125	25		185	125
Tỉnh Lâm Đồng	Hệ thống BHXH	465	10		92	255	105	3
Tỉnh Bình Phước	Hệ thống DVCLT	231						
Tỉnh Bình Phước	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	231	26		75	70	25	35
Tỉnh Bình Phước	Hệ thống Quản lý cư trú	95		44	10		28	13
Tỉnh Bình Phước	Hệ thống BHXH	95	1		4	63	23	4
Tỉnh Tây Ninh	Hệ thống DVCLT	58						
Tỉnh Tây Ninh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	58	5	3	14	19	5	12
Tỉnh Tây Ninh	Hệ thống Quản lý cư trú	24		7			5	12
Tỉnh Tây Ninh	Hệ thống BHXH	24			1	12	11	
Tỉnh Bình Dương	Hệ thống DVCLT	191						
Tỉnh Bình Dương	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	191	39	6	45	43	11	47
Tỉnh Bình Dương	Hệ thống Quản lý cư trú	54	1	4	6		28	15
Tỉnh Bình Dương	Hệ thống BHXH	54			1	9	28	16
Tỉnh Đồng Nai	Hệ thống DVCLT	702						
Tỉnh Đồng Nai	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	702	46	10	206	245	130	65
Tỉnh Đồng Nai	Hệ thống Quản lý cư trú	375	7	66	15		206	81
Tỉnh Đồng Nai	Hệ thống BHXH	375	6	5	18	228	114	4
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ thống DVCLT	336						
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	336	32	2	49	115	65	73
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ thống Quản lý cư trú	180	2	32	9		100	37
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ thống BHXH	180	1	1	28	106	43	1
Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống DVCLT	502						
Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	502	97	15	84	93	82	131

Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống Quản lý cư trú	175		1	25	15		61	73
Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống BHXH	175		3	5	74	70	23	
Tỉnh Long An	Hệ thống DVCLT	849							
Tỉnh Long An	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	849		37	3	78	116	522	93
Tỉnh Long An	Hệ thống Quản lý cư trú	638		12	50	14		416	146
Tỉnh Long An	Hệ thống BHXH	638		9	13	107	322	187	
Tỉnh Tiền Giang	Hệ thống DVCLT	326							
Tỉnh Tiền Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	326		6	3	58	206	32	21
Tỉnh Tiền Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	238		8	25	14		166	25
Tỉnh Tiền Giang	Hệ thống BHXH	238			1	36	130	71	
Tỉnh Bến Tre	Hệ thống DVCLT	48							
Tỉnh Bến Tre	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	48		3		6	8	14	17
Tỉnh Bến Tre	Hệ thống Quản lý cư trú	22		1	7			11	3
Tỉnh Bến Tre	Hệ thống BHXH	22		1		3	12	6	
Tỉnh Trà Vinh	Hệ thống DVCLT	19							
Tỉnh Trà Vinh	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	19		2		5	6	1	5
Tỉnh Trà Vinh	Hệ thống Quản lý cư trú	7			2			5	
Tỉnh Trà Vinh	Hệ thống BHXH	7					1	6	
Tỉnh Vĩnh Long	Hệ thống DVCLT	157							
Tỉnh Vĩnh Long	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	157		10	14	59	43	19	12
Tỉnh Vĩnh Long	Hệ thống Quản lý cư trú	62		4	12	1		34	11
Tỉnh Vĩnh Long	Hệ thống BHXH	62		1	5	2	45	8	1
Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống DVCLT	166							
Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	166		13		24	57	42	30
Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống Quản lý cư trú	99		3	16	1		67	12
Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống BHXH	99			9	14	64	12	
Tỉnh An Giang	Hệ thống DVCLT	707							
Tỉnh An Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	707		34	13	209	262	158	31
Tỉnh An Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	420		6	104	18		198	94
Tỉnh An Giang	Hệ thống BHXH	420		2	1	34	319	64	
Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống DVCLT	200							
Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng	200		7	3	63	51	58	18
Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống Quản lý cư trú	109		1	22	4		64	18
Tỉnh Kiên Giang	Hệ thống BHXH	109			5	32	69	3	
Thành phố Cần Thơ	Hệ thống DVCLT	187							

Thành phố Cần Thơ	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	187		7	1	36	93	36	14
Thành phố Cần Thơ	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	129		4	53	5		49	18
Thành phố Cần Thơ	<u>Hệ thống BHXH</u>	129		4		39	80	6	
Tỉnh Hậu Giang	<u>Hệ thống DVCLT</u>	5							
Tỉnh Hậu Giang	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	5		4					1
Tỉnh Hậu Giang	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>								
Tỉnh Hậu Giang	<u>Hệ thống BHXH</u>								
Tỉnh Sóc Trăng	<u>Hệ thống DVCLT</u>	395							
Tỉnh Sóc Trăng	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	395		19	11	71	166	99	29
Tỉnh Sóc Trăng	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	265		2	48	9		137	69
Tỉnh Sóc Trăng	<u>Hệ thống BHXH</u>	265		4	1	52	163	37	8
Tỉnh Bạc Liêu	<u>Hệ thống DVCLT</u>	266							
Tỉnh Bạc Liêu	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	266		15	5	47	32	141	26
Tỉnh Bạc Liêu	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	173		1	62	6		87	17
Tỉnh Bạc Liêu	<u>Hệ thống BHXH</u>	173		1		19	90	63	
Tỉnh Cà Mau	<u>Hệ thống DVCLT</u>	567							
Tỉnh Cà Mau	<u>Hệ thống ĐKQLHTĐT dùng</u>	567		6	4	88	218	215	36
Tỉnh Cà Mau	<u>Hệ thống Quản lý cư trú</u>	433		12	26	16		317	62
Tỉnh Cà Mau	<u>Hệ thống BHXH</u>	433		3	7	42	285	96	